TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 450/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Huế, ngày 22 tháng 7 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 540/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Cẩm U, sinh ngày 11/5/1996; căn cước công dân số 046196013477; địa chỉ: TDP P, phường M, thành phố H;

- Bị đơn: Anh Bạch Văn T, sinh nngày 29/9/1991; căn cước công dân số 046091012059; địa chỉ: TDP P, phường M, thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 3, Điều 6, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 7 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 7 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Cẩm U và anh Bạch Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Cẩm U và anh Bạch Văn T.

- Về con chung: Chị Lê Thị Cẩm U và anh Bạch Văn T xác nhận có 02 con chung tên là Bạch Văn Thành N, sinh ngày 08/12/2016 và Bạch Lê An N1, sinh ngày 10/9/2019. Các cháu hiện đang ở với anh Bạch Văn T, cháu Bạch Văn Thành N có nguyện vọng được tiếp tục ở với anh Bạch Văn T. Anh, chị thỏa thuận giao

các cháu Bạch Văn Thành N và Bạch Lê An N1 cho anh Bạch Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Cẩm U và anh Bạch Văn T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Lê Thị Cẩm U và anh Bạch Văn T mỗi người phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn. Chị Lê Thị Cẩm U tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn của cả hai người là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000163 ngày 10 tháng 7 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Huế; chị Lê Thị Cẩm U đã nộp đủ án phí và được hoàn trả lại số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 4, 6 và 7 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 1 – Huế
- THADS thành phố Huế;
- UBND phường Mỹ Thượng, thành phố Huế (anh Thiệp, chị Uyên ĐKKH số 39, ngày 25/5/2016 tại UBND xã Phú Mỹ - cũ)
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dán án.

THẨM PHÁN

Hoàng Quang Bình